TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **330/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2023
V/v tranh chấp "Xin Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Bé Ba.**

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Hằng.**

- ***G ký phiên tòa***: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – G ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 94/2023 ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Đoàn Thị B, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh Lê Minh C sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã D, huyện A, tỉnh Tiền Giang**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Đoàn Thị B trình bày:

Chị và anh Lê Minh C tự nguyện chung sống với nhau 1996 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101/1996 ngày 11/10/1996. Sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cải, anh C không phụ lo kinh tế gia đình, không đi làm lại ở nhà, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, nay chị nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh F, sinh ngày 17/12/1996 và Lê Minh G, sinh ngày 21/4/2004. Con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Lê Minh C từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị B có đơn xin vắng mặt vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Lê Minh C, giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung theo đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Đoàn Thị B về việc tranh chấp "ly hôn" với anh Lê Minh C thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Đoàn Thị B và anh Lê Minh C tự nguyện chung sống với nhau 1996 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã D, huyện A, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 101/1996 ngày 11/10/1996. Sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên tranh cải, anh C không phụ lo kinh tế gia đình, không đi làm lại ở nhà, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, nay chị nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh C. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh C nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị B, điều đó chứng tỏ anh C không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh F, sinh ngày 17/12/1996 và Lê Minh G, sinh ngày 21/4/2004. Con chung đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí HNST: Chị Đoàn Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị B.

[1] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị B được ly hôn với anh Lê Minh C.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh F, sinh ngày 17/12/1996 và Lê Minh G, sinh ngày 21/4/2004. Con chung đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Đoàn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0025819 ngày 30/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang nên chị đã thi hành xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh TG;
-VKSNDHCG-TG
-Chi cục THADSHCG;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng